

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2023/DS - ST**

Ngày: 29/5/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Khuyên**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Đức Dũng**

2. Bà **Lại Thị Thúy Hằng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

C.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện C tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn Sơn**

– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở TAND huyện C, tỉnh Đồng Nai tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2022/TLST- DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 4 năm 2023; theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2023/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mộng Th– Đại diện hộ kinh doanh Mẫn

Địa chỉ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn V, sinh năm 1972

Địa chỉ: tổ 4, ấp 10, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị Q, sinh năm 1973

Địa chỉ: tổ 4, ấp 10, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(tất cả các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng Th– Đại diện hộ kinh doanh Mẫn trình bày:**

Chị là đại diện hộ kinh doanh “M” với ngành nghề kinh doanh là mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 47K8004507 do UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02 tháng 3 năm 2015, đăng ký thay đổi lần I vào ngày 21 tháng 11 năm 2018. Trong năm 2017 và 2018 ông Trịnh Văn V, sinh năm 1972, trú tại ấp 10, xã S, huyện C, tỉnh

Đồng Nai đã nhiều lần mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của của hộ kinh doanh “M” cụ thể như sau:

- Ngày 27/6/2017, ông V mua 45.500.000 đồng tiền phân bón.
- Ngày 07/7/2017 ông V mua 21.970.000 đồng tiền phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.
- Ngày 16/7/2017 ông V mua 68.190.000 đồng tiền phân và thuốc bảo vệ thực vật.
- Ngày 06/8/2017 ông V mua 57.040.000 đồng tiền phân và thuốc bảo vệ thực vật.
- Ngày 07/9/2017 ông V mua 24.300.000 đồng tiền phân và thuốc bảo vệ thực vật.
- Ngày 13/02/2018 ông V mua 2.400.000 đồng tiền thuốc bảo vệ thực vật.

Mỗi lần mua ông V đều thiếu nợ lại tiền. Tổng số tiền các mặt hàng ông V đã mua hàng và còn nợ hộ kinh doanh “M” chưa trả là 219.400.000 đồng. Các khoản tiền trên đều do ông V tự viết và ký nhận nợ trong các giấy xác nhận nhận nợ mua hàng của hộ kinh doanh “M”. Riêng chỉ có khoản tiền ngày 13/02/2018 ông V mua 2.400.000 đồng tiền thuốc bảo vệ thực vật là do chị tự ghi vào sổ mà không có xác nhận của ông V, bởi vì khi mua hàng ông V nói chiều sẽ đưa tiền đến trả nhưng ông V đã không trả nên chị phải viết khoản tiền nợ này vào sổ. Ông V thỏa thuận với chị là cho ông V tiền phân bón và thuốc bảo vệ thực vật thì ông V sẽ chịu lãi suất 1.5%/tháng đối với số tiền nợ trên, việc thỏa thuận chỉ nói miệng, không thể hiện vào giấy xác nhận nợ. Từ khi mua hàng đến nay ông V chưa trả cho hộ kinh doanh “M” số tiền gốc và tiền lãi suất nào. Tổng cộng số tiền gốc ông V còn nợ hộ kinh doanh “M” là 219.400.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ban đầu thì nguyên đơn yêu cầu ông V phải trả tổng số tiền là 421.210.000 đồng, trong đó gồm 219.400.000 đồng tiền gốc và 201.810.000 đồng tiền lãi suất tính đến ngày 24/11/2022. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị Th đã rút yêu cầu khởi kiện đối số tiền gốc 2.400.000 đồng ngày 13/2/2018 là tiền ông V mua 1 thùng thuốc sâu Bringtin và rút yêu cầu đối với số tiền lãi suất 201.810.000 đồng tính đến ngày 24/11/2022, không yêu Tòa án giải quyết đối với số tiền này, việc rút các yêu cầu của chị Th là hoàn toàn tự nguyện.

Nay chị Nguyễn Thị Mộng Th- Đại diện hộ kinh doanh Mẫn yêu cầu Tòa án buộc ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q liên đới trả cho chị số tiền gốc là 217.000.000 đồng, chị không yêu cầu lãi suất trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án.

**** Từ khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trịnh Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Q, nhưng ông V và bà Q vẫn vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ.***

**** Các tài liệu, chứng cứ:***

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao); các bản tự khai (bản chính); Biên bản lấy lời khai của đương sự (bản chính); hai giấy thể hiện nội dung ông V mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật còn nợ tiền (bản chính và bản pho to).

**** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C:***

+ Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: không

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông V và bà Q liên đới trả 217.000.000 đồng cho chị Th – Đại diện hộ kinh doanh Mẫn.

Đối với yêu cầu về lãi xuất: nguyên đơn đã làm đơn rút yêu cầu khởi kiện về lãi nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu trên. Đối với số tiền mua hàng 2.400.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu thì nguyên đơn chỉ cung cấp được tờ giấy ghi nợ số tiền, không có chữ ký xác nhận của bị đơn nên không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2022 và các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ thể hiện: Từ ngày 27/6/2017 đến ngày 07/9/2017 ông V đã mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của chị Th – Đại diện hộ kinh doanh M và thiếu nợ tiền đến nay chưa trả. Như vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của chị Th – Đại diện hộ kinh doanh Mẫn bị xâm phạm, việc tranh chấp giữa các bên là tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên thời hiệu khởi kiện là 03 (ba) năm, tính từ ngày quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Vì vậy, đến ngày chị Th – Đại diện hộ kinh doanh Mẫn khởi kiện 24/11/2022 là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên do không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên trong vụ án này Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu. Chị Th – Đại diện hộ kinh doanh Mẫn chỉ khởi kiện yêu cầu ông V, bà Q phải liên đới trả nợ gốc, không yêu cầu lãi suất, các bên đương sự tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nợ nên đây là vụ kiện: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: ông Trịnh Văn V hiện thường trú ấp 10, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cẩm Mỹ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Nguyễn Thị Mộng Th – Đại diện hộ kinh doanh Mẫn có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q (vợ ông V) liên đới trả số tiền gốc mua hàng còn nợ lại cho chị Th, nên chị Nguyễn Thị Mộng Th – Đại diện hộ kinh doanh Mẫn là nguyên đơn, ông V là bị đơn, bà Q được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về thủ tục tố tụng: ông Trịnh Văn V, bà Bùi Thị Q đã được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ

án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay ông V và bà Q vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị Mộng Th – Đại diện hộ kinh doanh M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Vĩnh, bà Q và chị Th là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Trong quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn đều trình bày rằng ông V còn nợ nguyên đơn số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật chưa trả là 217.000.000 đồng tiền gốc, đồng thời đã cung cấp hai giấy xác nhận nhận nợ mua hàng (bản chính) do ông V tự viết và ký tên để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc cung cấp tài liệu chứng cứ số 120, 121/TB - TA ngày 14/3/2023 và các văn bản tố tụng khác cho ông Trịnh Văn V, nhưng ông V vẫn không có văn bản phản hồi về khoản nợ trên nộp cho Tòa án. Chị Th đã nhiều lần gặp ông V để yêu cầu ông V trả khoản tiền trên và ông V biết rõ việc mình còn nợ tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của chị Th – Đại diện hộ kinh doanh Mẫn chưa trả, hiện tại ông V vẫn sinh sống tại ấp 10, xã Sông Ray và cố tình không trả khoản tiền trên cho chị Thường. Do đó, hai giấy xác nhận nhận nợ mua hàng (bản chính) từ ngày 27/6/2017 đến ngày 07/9/2017 có người mua ông Trịnh Văn V viết và ký tên do chị Nguyễn Thị Mộng Th – đại diện hộ kinh doanh M cung cấp được Hội đồng xét xử chấp nhận làm chứng cứ để xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó chứng tỏ việc ông Trịnh Văn V có mua hàng và còn thiếu nợ chị Nguyễn Thị Mộng Th – Đại diện hộ kinh doanh Mẫn số tiền gốc 217.000.000 đồng là đúng và ông V phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 217.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Mộng Th – Đại diện hộ kinh doanh M.

Bà Bùi Thị Q là vợ ông V được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Số tiền nợ trên là do ông V mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật về để phục vụ cho sản xuất trong gia đình. Do đó, cần buộc bà Q có trách nhiệm liên đới cùng ông V trả số nợ trên cho nguyên đơn là phù hợp.

Từ những chứng cứ, phân tích, đánh giá như trên đã có đủ cơ sở khẳng định ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q còn nợ chị Nguyễn Thị Mộng Th – Đại diện hộ kinh doanh Mẫn số tiền gốc là 217.000.000 đồng. Do đó căn cứ vào Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên cho chị Nguyễn Thị Mộng Th – Đại diện hộ kinh doanh Mẫn.

Đối với yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 2.400.000 đồng và 201.810.000 đồng tiền lãi suất. Do chị Th – Đại diện hộ kinh doanh Mẫn có đơn và ý kiến rút yêu cầu khởi kiện này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông V và bà Q phải chịu án phí DSST trên tổng số tiền phải trả cho chị Nguyễn Thị Mộng Th – Đại diện hộ kinh doanh M. Số tiền án phí ông Vĩnh, bà Q phải nộp

là: 217.000.000 đồng x 5% = 10.850.000 đồng; Hoàn trả cho chị Th - Đại diện hộ kinh doanh Mẫn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đề nghị của Đại diện VKS huyện C chỉ phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận phần phù hợp.

Đối với số tiền mua hàng 2.400.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù nguyên đơn không có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện này, nhưng trong biên bản lấy lời khai đương sự ngày 18/4/2023 đã thể hiện ý chí của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông V trả số tiền 2.400.000 đồng, nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật TTDS năm 2015.

Căn cứ Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng Th – Đại diện hộ kinh doanh M.

Buộc ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q phải liên đới thanh toán cho chị Nguyễn Thị Mộng Th – Đại diện hộ kinh doanh M số tiền gốc 217.000.000đ (*hai trăm mười bảy triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng Th – đại diện hộ kinh doanh M, về việc buộc ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q phải trả số tiền gốc 2.400.000 đồng và 201.810.000 đồng tiền lãi suất do chị Nguyễn Thị Mộng Th rút yêu cầu khởi kiện.

3. Về án phí: buộc ông Trịnh Văn V và bà Bùi Thị Q phải nộp 10.850.000đ (*mười triệu tám trăm năm mươi ngàn*) đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Mộng Th – Đại diện hộ kinh doanh Mẫn số tiền tạm ứng án phí 20.848.000đ (*hai mươi triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn*) đồng theo biên lai thu số 0001665 ngày 24/11/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên vãng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H. C.
- Thi hành án dân sự H. C.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn.
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Khuyên